

Bản án số: 11/2022/DS-PT
Ngày 11/3/2022

V/v “Tranh chấp chấm dứt Hợp đồng ủy
quyền và bồi thường thiệt hại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu.

Bà Trần Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Võ Hồng Thăng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp chấm dứt Hợp đồng ủy quyền và bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2021/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐ-PT ngày 19/01/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 24/2022/QĐ-PT ngày 18/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1976; trú tại: thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Tuấn L – Luật sư công tác tại Công ty Luật TNHH 2TV Hoa Tiêu thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Hữu T, sinh năm 1977; trú tại: Số 204 đường L, phường T, quận S, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng Công chứng T; địa chỉ: 72 đường N, quận N, thành phố Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Đặng Hữu T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- ***Nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:*** Ngày 01/4/2013, UBND huyện Hòa Vang ban hành Quyết định số: 491/QĐ-UBND về việc thu hồi đất với các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa dự án Khu Công nghệ cao Đà Nẵng. Theo đó, ngày 12/01/2016, gia đình ông Nguyễn Hữu Đ được bố trí 01 lô đất chính đường 7,5m tại khu TĐC Hòa Liên 5 theo Thông báo về kết quả phê duyệt của UBND thành phố Đà Nẵng. Do có mối quan hệ quen biết, ngày 07/11/2017, ông Nguyễn Hữu Đ ủy quyền cho ông Đặng Hữu T ký kết hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng Công chứng T để ông T thay mặt ông liên hệ với cơ quan chức năng nộp đủ số tiền lô đất trên theo quy định và đúng thời hạn, bốc thăm lô đất, nhận đất thực tế, ký các Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng với Ban (Trung tâm) quản lý dự án liên quan đến lô đất trên, đồng thời ông T được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước để làm các thủ tục xin cấp và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ. Tuy nhiên, do hết quỹ đất tại khu TĐC Hòa Liên 5 nên ngày 26/10/2018, Ban giải phóng mặt bằng UBND huyện Hòa Vang đã ban hành Thông báo kết quả phê duyệt của UBND thành phố Đà Nẵng, ông Đ được bố trí 01 lô đất chính và 01 lô phụ đường 5,5m tại Khu dân cư phía Tây Bắc khu TĐC số 6-Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến ĐT 602. Như vậy, thỏa thuận của ông T không thực hiện được như đã hứa hẹn với ông, đối tượng Hợp đồng không còn nên ông Nguyễn Hữu Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Hữu Đ và ông Đặng Hữu T.

- ***Bị đơn là ông Đặng Hữu T trình bày:*** Ông xác nhận với ông Nguyễn Hữu Đ các nội dung trong Hợp đồng ủy quyền ngày 07/11/2017. Tuy nhiên, do hết quỹ đất tại khu tái định cư Hòa Liên 5 nên Ban giải phóng mặt bằng huyện Hòa Vang đã ban hành Thông báo phê duyệt của UBND thành phố Đà Nẵng ngày 26/10/2018 về việc bố trí 01 lô đất chính và 01 lô đất phụ thuộc khu dân cư phía Tây Bắc khu TĐC số 6-Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến ĐT 602. Để ông Đ được bố trí 02 lô đất thì bản thân ông phải bỏ ra nhiều thời gian, công sức, tiền bạc nên bây giờ ông

Nguyễn Hữu Đ phủ nhận công sức của ông về lý hay về tình là không chấp nhận được nên ông không đồng ý hủy Hợp đồng ủy quyền và ông có yêu cầu phản tố yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu Đ bồi thường cho ông Đặng Hữu T số tiền 500.000.000 đồng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Văn phòng Công chứng T trình bày: Tại thời điểm giao kết Hợp đồng, hai bên đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng được thực hiện đúng trên tinh thần tự nguyện, không bị ai lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép. Từ những căn cứ trên, Văn phòng Công chứng T nhận thấy hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Hữu Đ và ông Đặng Hữu T đúng quy định pháp luật.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2021/DSST ngày 25/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ các Điều 117, 385, 398, 562 và 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ đối với ông Đặng Hữu T về việc “*Chấm dứt Hợp đồng ủy quyền*”.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Hữu T đối với ông Nguyễn Hữu Đ về việc “*Bồi thường thiệt hại*”.

Tuyên xử:

1. Chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 2222 ngày 07/11/2017 được Phòng Công chứng Thái Thu Hà công chứng giữa ông Nguyễn Hữu Đ đối với ông Đặng Hữu T. Hợp đồng ủy quyền số 2222 ngày 07/11/2017 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Ông Nguyễn Hữu Đ không phải bồi thường thiệt hại cho ông Đặng Hữu T do việc chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 2222 ngày 07/11/2017.

3. Án phí DSST: Ông Đặng Hữu T phải chịu 300.000 đồng. Do bị bác yêu cầu bồi thường thiệt hại nên ông Đặng Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006628 ngày 26/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, ông T còn phải nộp tiếp số tiền án phí 12.300.000 đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006484 ngày 24/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu Đ hỗ trợ ông Đặng Hữu T số tiền 50.000.000 đồng, thời gian giao nhận tiền là kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2021, ông Đặng Hữu T kháng cáo cho rằng Hợp đồng ủy quyền đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng T vào ngày 07/11/2017, thời hạn ủy quyền đã được công chứng là 10 năm kể từ ngày ký nên đề nghị xem xét lại bản án theo trình tự phúc thẩm vì các bên chưa đạt được thỏa thuận để chấm dứt hợp đồng ủy quyền đã công chứng, đồng thời cấp sơ thẩm không chấp nhận phản tố của ông, chỉ chấp nhận 50.000.000 đồng là chưa đạt sự thỏa thuận của bên còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu Đ; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Trần Tuấn L. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với họ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn là ông Đặng Hữu T về Hợp đồng ủy quyền thì thấy: Ngày 01/4/2013, UBND huyện Hòa Vang ban hành Quyết định số: 491/QĐ-UBND thu hồi đất với hộ ông Nguyễn Hữu Đ với diện tích 256,8m² thuộc thửa đất 79, tờ bản đồ hiện trạng số 171. Ngày 12/01/2016, hộ ông Nguyễn Hữu Đ được bố trí 01 lô đất chính đường 7,5m tại khu TĐC Hòa Liên 5 theo Thông báo về kết quả phê duyệt của UBND thành phố Đà Nẵng. Ngày 07/11/2017, ông Nguyễn Hữu Đ ủy quyền cho ông Đặng Hữu T ký kết Hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng Công chứng T để ông T thay mặt ông Đ liên hệ với Cơ quan chức năng nộp đủ số tiền lô đất trên theo quy định và đúng thời hạn, bóc thăm lô đất, nhận đất thực tế, ký các Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng với Ban (Trung tâm) quản lý dự án liên quan đến lô đất trên, đồng thời ông T được quyền liên hệ với các Cơ quan Nhà nước để làm các thủ tục xin cấp và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ. Thời

hạn ủy quyền 10 năm kể từ ngày Hợp đồng được công chứng. Hợp đồng ủy quyền này không có thù lao. Sau đó, do hết quỹ đất tại khu TĐC Hòa Liên 5 nên ngày 26/10/2018, Ban giải phóng mặt bằng UBND huyện Hòa Vang đã ban hành Thông báo kết quả phê duyệt của UBND thành phố Đà Nẵng bố trí cho ông Đ 01 lô đất chính và 01 lô phụ đường 5,5m tại Khu dân cư phía Tây Bắc khu TĐC số 6 - Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến ĐT 602. Như vậy, đối tượng của hợp đồng đã không còn nên việc ông Đ yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu phản tố của ông T về việc yêu cầu ông Đ bồi thường số tiền 500.000.000 đồng thì thấy: Theo ông T thì ông Đ có thỏa thuận miệng bán 01 lô đất cho ông T với giá 460.000.000 đồng nhưng các bên chưa thực hiện việc giao nhận tiền. Sau này giá đất lên nên ông Đ đổi ý không bán nữa và không đạt được thỏa thuận việc bồi thường nên dẫn đến hai bên tranh chấp. Tuy nhiên việc này không có Hợp đồng chuyển nhượng và ông Đ cũng không thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cung cấp bản chính Giấy ủy quyền giữa ông Đ và ông T ký kết với nhau không có ngày tháng, năm 2017 nhưng theo ông thời gian hai bên ký kết vào khoảng đầu năm 2017, có trước Hợp đồng ủy quyền ngày 07/11/2017 tại Văn phòng Công chứng T chứng thực. Mặc dù Hợp đồng ủy quyền đối tượng không còn và không có thù lao nhưng những công việc ông T thực hiện ủy quyền xuất phát từ nguồn gốc UBND huyện Hòa Vang thu hồi đất của ông Nguyễn Hữu Đ và được bố trí lại đất tái định cư. Do quỹ đất ở Hòa Liên hết nên UBND huyện Hòa Vang bố trí quỹ đất khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ cho rằng nếu ông T chứng minh được công sức thì ông sẽ bồi thường. HĐXX xét thấy rằng: Căn cứ vào chứng cứ do Ban Tiếp Công dân UBND thành phố Đà Nẵng cung cấp thì cho thấy ông T có nhận các bản chính gồm một số các văn bản, giấy tờ từ các Cơ quan chức năng, mà không phải là ông Nguyễn Hữu Đ như sau: Giấy biên nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng ngày 03/10/2018 của Ban Tiếp Công dân thành phố; Công văn số 709/TTPTTQĐ-BTGPMB ngày 03/10/2018 của Trung tâm PT Quỹ đất; Công văn số 977/BTCCD ngày 10/10/2018 của Ban Tiếp công dân thành phố; Công văn số 509/CN3-QLĐTĐC ngày 01/11/2017 của Chi nhánh Trung tâm PTQĐ số 3; Công văn số 495/TLĐ-HĐBTTH-GPMB ngày 19/11/2018 của Hội đồng GPMB huyện Hòa Vang; Đơn khiếu nại ngày 15/9/2018 gửi Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, anh Hành – Phó Chủ tịch thành phố, anh An – Giám đốc TTPTQĐ thành phố do chủ đất đứng đơn là ông Nguyễn Hữu Đ nhưng địa chỉ liên hệ là nhà ông T tại 204 đường Lê Tấn Trung, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, kèm theo số điện thoại ông T là 0935.020.177. Tại Công văn số 174/BTCD ngày 04/3/2022 của Ban Tiếp Công dân thành phố cung cấp: *“Vào ngày 03/10/2018, Ban Tiếp Công dân thành phố có nhận đơn khiếu nại ghi ngày 15/9/2018. Ngày 10/10/2018, Ban Tiếp Công dân thành phố đã có Công văn số 977/BTCD chuyển đơn của công dân đến Hội đồng*

BTTH và GPMB huyện Hòa Vang để kiểm tra, giải quyết và trả lời đơn theo quy định”. Sau khi UBND thành phố nhận đơn khiếu nại thì ngày 06/10/2018, UBND huyện Hòa Vang lập Biên bản Tiếp dân về việc giải quyết những kiến nghị của công dân và ý kiến đề xuất giải quyết cuối cùng của Hội đồng GPMB là Bố trí 02 lô đất tái định cư tại khu số 6 – Tây Bắc, trong đó có 01 lô phụ đường 5,5m thay cho kết quả bố trí tái định cư trước đây...Ngày 26/10/2018, UBND huyện Hòa Vang có Thông báo kết quả phê duyệt của UBND thành phố Đà Nẵng được căn cứ theo Quyết định số: 4884/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng. Theo đó, ông Đ được bố trí 01 lô đất chính và 01 lô đất phụ đường 5,5m tại Khu dân cư phía Tây Bắc khu TĐC số 6 - Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến ĐT 602 thay cho kết quả bố trí trước đây. Từ những chuỗi sự kiện trên, cho thấy có việc ông Đặng Hữu T đã bỏ thời gian, công sức làm đơn thư cầu cứu, khiếu nại khắp nơi và ông T đã giúp ông Đ gần 1 năm được thể hiện trước thời gian ông Đ được bố trí 2 lô đất. Mặt khác, tại phiên họp hòa giải ngày 28/01/2021, ông Đ đồng ý bồi thường cho ông T số tiền 350.000.000 đồng và hẹn thời gian giao nhận tiền là ngày 05/3/2021. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đây là một thiếu sót ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ cũng đã thừa nhận việc ông T có công sức đi lại nhưng ông Đ không thừa nhận ông T là người đã giúp ông quan hệ ngoại giao để ông Đ bố trí được 2 lô đất cho ông T như cấp sơ thẩm nhận định là thiếu căn cứ. Giai đoạn sơ thẩm, ông T yêu cầu bồi thường 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông T chỉ yêu cầu ông Đ bồi thường số tiền 200.000.000 đồng, xét thấy là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với công sức ông T và không vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu nên chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cung cấp các bản chính và hiện nay ông T còn giữ trong quá trình ông T được thực hiện ủy quyền gồm: Giấy biên nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng ngày 03/10/2018 của Ban Tiếp Công dân thành phố; Công văn số 709/TTPTTTQĐ-BTGPMB ngày 03/10/2018 của Trung tâm PT Quỹ đất; Công văn số 977/BTCCD ngày 10/10/2018 của Ban Tiếp công dân thành phố; Công văn số 509/CN3-QLĐTĐC ngày 01/11/2017 của Chi nhánh Trung tâm PTQĐ số 3; Công văn số 495/TLĐ-HĐBTTH-GPMB ngày 19/11/2018 của Hội đồng BTTH – HT và TĐC của UBND huyện Hòa Vang; Thông báo về việc nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án Khu Công nghệ cao Đà Nẵng ngày 25/3/2016; Bảng tính giá trị đền bù ngày 09/01/2014; Biên bản chi tiền đền bù (100%), Số CT: 2138/ĐB-1, ngày giao nhận mặt bằng - Ngày nhận đất để thực hiện Dự án Khu Công nghệ cao TP Đà Nẵng; Biên bản tiếp nhận mặt bằng ngày 12/4/2016. Xét thấy những giấy tờ này liên quan đến việc nhận đất của ông Đ nên cần buộc ông T phải trả lại cho ông Đ là phù hợp.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hữu Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và có luật cứ cho rằng việc ông Đ được bố trí 01 lô đất chính đường 7,5m tại khu TĐC Hòa Liên 5 là không còn. Vì vậy, Hợp đồng ủy quyền không thể thực hiện do đối tượng của Hợp đồng ủy quyền không còn theo quy định tại khoản 5 Điều 422 Bộ luật dân sự. Việc bố trí đất, các thủ tục ký nhận tiền, đăng ký lô đất đều do ông Nguyễn Hữu Đ đứng tên và thực hiện việc xin đất, nhận đất, không thấy một văn bản tài liệu nào thể hiện ông T là người có công sức trong việc ông Đ được nhận 2 lô đất tái định cư, đồng thời Hợp đồng không có thù lao nên Luật sư đề nghị chấp nhận chấm dứt Hợp đồng ủy quyền và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T đối với ông Đ. HĐXX xét thấy đối tượng của Hợp đồng ủy quyền trên không còn là có căn cứ. Tuy nhiên, việc làm đơn hay các thủ tục nhận tiền đương nhiên ông Nguyễn Hữu Đ là chủ sử dụng đất phải là người đứng tên, còn việc ông T có đi lại nhiều lần liên hệ với các Cơ quan chức năng trong thời gian gần 1 năm đã thể hiện từ những tài liệu, chứng cứ như đã phân tích trên nên việc Luật sư đề nghị không có căn cứ bồi thường là hoàn toàn không có cơ sở.

[4] Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đặng Hữu T.

[5] Án phí DSST: Ông Đặng Hữu T phải chịu 300.000 đồng đối với yêu cầu chấm dứt Hợp đồng ủy quyền. Do chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông T đối với ông Đ là 200.000.000 đồng nên ông Đ phải chịu án phí là 10.000.000 đồng.

[6] Do chấp nhận một phần kháng cáo nên ông Đặng Hữu T không phải chịu án phí DSPT.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Hữu T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 117, 401, 562, 569 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đặng Hữu T.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2021/DSST ngày 25/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ đối với ông Đặng Hữu T về việc “*Chấm dứt Hợp đồng ủy quyền*”.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Hữu T đối với ông Nguyễn Hữu Đ về việc “*Bồi thường thiệt hại*”. Tuyên xử:

- Chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số: 2222, quyển số 1, ngày 07/11/2017 giữa ông Nguyễn Hữu Đ đối với ông Đặng Hữu T tại Văn phòng Công chứng T. Hợp đồng ủy quyền số: 2222, quyển số 1, ngày 07/11/2017 không còn hiệu lực pháp luật. Buộc ông Nguyễn Hữu Đ phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Đặng Hữu T 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) do việc chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số: 2222, quyển số 1, ngày 07/11/2017.

- Buộc ông Đặng Hữu T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hữu Đ bản chính các giấy tờ sau: Giấy biên nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng ngày 03/10/2018 của Ban Tiếp Công dân thành phố; Công văn số 709/TTPTTTQĐ-BTGPMB ngày 03/10/2018 của Trung tâm PT Quỹ đất; Công văn số 977/BTCCD ngày 10/10/2018 của Ban Tiếp công dân thành phố; Công văn số 509/CN3-QLĐTĐC ngày 01/11/2017 của Chi nhánh Trung tâm PTQĐ số 3; Công văn số 495/TLĐ-HĐBTTH-GPMB ngày 19/11/2018 của Hội đồng BTTH – HT và TĐC của UBND huyện Hòa Vang; Thông báo về việc nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án Khu Công nghệ cao Đà Nẵng ngày 25/3/2016; Bảng tính giá trị đền bù ngày 09/01/2014; Biên bản chi tiền đền bù (100%), Số CT: 2138/ĐB-1, ngày giao nhận mặt bằng - Ngày nhận đất để thực hiện Dự án Khu Công nghệ cao TP Đà Nẵng; Biên bản tiếp nhận mặt bằng ngày 12/4/2016.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Án phí DSST: Ông Đặng Hữu T phải chịu là 300.000 đồng đối với yêu cầu chấm dứt Hợp đồng ủy quyền nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng tại biên lai thu số 0006628 ngày 26/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho ông Đặng Hữu T số tiền 11.700.000 đồng. (*Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng*). Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại ông Nguyễn Hữu Đ phải chịu là 10.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006484 ngày 24/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố

Đà Nẵng. Ông Nguyễn Hữu Đ còn phải nộp tiếp 9.700.000 đồng. (*Chín triệu bảy trăm ngàn đồng*).

6. Án phí DSPT: Hoàn trả lại cho ông Đặng Hữu T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003030 ngày 20/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé